ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 80 /QĐ-UBND	*Gò Vấp, ngày 17 tháng 01 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
Về điều chỉnh, bổ sung dự toán chi ngân sách năm 2023.

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 131/2020/QH14 ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Quốc hội về tổ chức chính quyền đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị định số 33/2021/NĐ-CP ngày 29 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Nghị quyết số 131/2020/QH14 ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Quốc hội về tổ chức chính quyền đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 4312/QĐ-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về giao chỉ tiêu dự toán thu-chi ngân sách Nhà nước năm 2023;

Căn cứ Kế hoạch số 5107/KH-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố về tổ chức hoạt động và kinh phí chăm lo Tết Quý Mão năm 2023;

Căn cứ Công văn số 165/STC-HCSN ngày 11/01/2023 của Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh về hướng dẫn nguồn kinh phí thực hiện kế hoạch chăm lo Tết Quý Mão năm 2023;

Căn cứ Quyết định số 4538/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân quận về phân giao chỉ tiêu dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2023.

Căn cứ Quyết định số 4547/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân quận về việc giao quản lý và tham mưu điều hành chi ngân sách nhà nước theo các lĩnh vực năm 2023; giao dự toán chi ngân sách năm 2023 thực hiện các nhiệm vụ chưa có chủ trương, chưa xác định được đơn vị thực hiện cho Phòng Tài chính – Kế hoạch quản lý;

Theo đề nghị của các đơn vị và ý kiến của phòng Tài chính - Kế hoạch tại Tờ trình số 26/TTr-TCKH ngày 13 tháng 01 năm 2023 về bổ sung dự toán kinh phí chi quà tết năm 2023 cho các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc quận và các đơn vị ngành dọc trên địa bàn quận.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bổ sung dự toán chi ngân sách năm 2023 để chi quà tết cho các cơ quan hành chính, các đơn vị ngành dọc trên địa bàn quận, tổng số tiền: 5.063.400.000 đồng (Năm tỉ không trăm sáu mươi ba triệu bốn trăm ngàn đồng).

(đính kèm phụ lục và số liệu chi tiết)

Điều 2. Điều chỉnh giảm dự toán chi ngân sách năm 2023 của Phòng Tài chính – Kế hoạch, số tiền: 5.063.400.000 đồng.

Điều 3. Bổ sung dự toán chi ngân sách năm 2023 để chi quà tết cho các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc quận, tổng số tiền: 7.786.800.000 đồng (Bảy tỉ bảy trăm tám mươi sáu triệu tám trăm ngàn đồng).

(đính kèm phụ lục và số liệu chi tiết)

Điều 4. Điều chỉnh giảm dự toán chi ngân sách năm 2022 của Phòng Giáo dục và Đào tạo, số tiền: 7.786.800.000 đồng.

Điều 5. Thủ trưởng đơn vị nêu ở Điều 1, Điều 2, Điều 3, Điều 4 có nhiệm vụ theo dõi, kiểm tra, sử dụng đúng mục đích nguồn kinh phí này và quyết toán đúng quy định hiện hành.

Điều 6. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân quận, Trưởng phòng Tài chính-Kế hoạch, Giám đốc Kho bạc Nhà nước Gò Vấp, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị nêu ở Điều 1, Điều 2, Điều 3, Điều 4 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 6; "để thực hiện"
- TT Quận ủy;
- Các PCT UBND quận;
- UB MTTQ VN quận;
- Các phòng ban chuyên môn;
- Trang thông tin điện tử quận;
- Lưu: VT.(N).8b

CHỦ TỊCH

Nguyễn Trí Dũng

ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN GÒ VẤP

Phụ lục 01

PHỤ LỤC BỔ SUNG DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2023
CÁC ĐƠN VỊ ĐOÀN THỂ QUẬN

(Ban hành kèm theo Quyết định số 80 /QĐ-UBND ngày 17 / 01/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp)

Đơn vị tính: Đồng

	Mã số sử dụng ngân sách	C-L-K	Đơn vị	TỔNG CỘNG	Kinh phí không tự chủ (NGUỒN 12)	
					Đối tượng nhận quà Tết 2023 (người)	Kinh phí
A	*B*	*C*	*D*	*1=3*	*2*	*3*
1	1038567	710-361	Ủy ban Mặt trận tổ quốc	23.400.000	13	23.400.000
2	1038570	711-361	Quận đoàn	27.000.000	15	27.000.000
3	1037996	712-361	Hội Liên hiệp phụ nữ	18.000.000	10	18.000.000
4	1025024	714-361	Hội Cựu chiến binh	1.800.000	1	1.800.000
5	1025025	717-362	Hội Chữ thập đỏ	14.400.000	8	14.400.000
			Tổng cộng	**84.600.000**	**47**	**84.600.000**

ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN GÒ VẤP

Phụ lục 02

PHỤ LỤC BỔ SUNG DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2023
KHỐI PHƯỜNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 80 /QĐ-UBND ngày 17/01/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp)

STT	Mã số đơn vị sử dụng ngân sách	Đơn vị	Tổng kinh phí bổ sung (Nguồn 12 - Khoản 341)	Kinh phí chi quà tết theo Kế hoạch số 5107/KH-UBND ngày 30/12/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố							
				Cán bộ, công chức, người lao động		UBND PHƯỜNG		KHU PHỐ		TRẠM Y TẾ	
				Số lượng	Kinh phí (Mức 1.800.000 đồng/người)	Số lượng	Kinh phí (Mức 10.000.000 đồng/Phường)	Số lượng	Kinh phí (Mức 5.000.000 đồng/Khu phố	Số lượng	Kinh phí (Mức 5.000.000 đồng/Trạm y tế)
A	*B*	*C*	*1*	*2*	*3*						
1	1017743	UBND phường 1	117.600.000	32	57.600.000	1	10.000.000	9	45.000.000	1	5.000.000
2	1017744	UBND phường 3	163.000.000	35	63.000.000	1	10.000.000	17	85.000.000	1	5.000.000
3	1019566	UBND phường 4	100.800.000	31	55.800.000	1	10.000.000	6	30.000.000	1	5.000.000
4	1018503	UBND phường 5	149.800.000	36	64.800.000	1	10.000.000	14	70.000.000	1	5.000.000
5	1087804	UBND phường 6	100.800.000	31	55.800.000	1	10.000.000	6	30.000.000	1	5.000.000
6	1051680	UBND phường 7	122.200.000	29	52.200.000	1	10.000.000	11	55.000.000	1	5.000.000
7	1086249	UBND phường 8	117.600.000	32	57.600.000	1	10.000.000	9	45.000.000	1	5.000.000
8	1086250	UBND phường 9	121.200.000	34	61.200.000	1	10.000.000	9	45.000.000	1	5.000.000
9	1051681	UBND phường 10	159.400.000	33	59.400.000	1	10.000.000	17	85.000.000	1	5.000.000
10	1051683	UBND phường 11	150.800.000	31	55.800.000	1	10.000.000	16	80.000.000	1	5.000.000
11	1051544	UBND phường 12	158.000.000	35	63.000.000	1	10.000.000	16	80.000.000	1	5.000.000
12	1051456	UBND phường 13	109.400.000	33	59.400.000	1	10.000.000	7	35.000.000	1	5.000.000
13	1086251	UBND phường 14	136.200.000	34	61.200.000	1	10.000.000	12	60.000.000	1	5.000.000
14	1051457	UBND phường 15	110.800.000	31	55.800.000	1	10.000.000	8	40.000.000	1	5.000.000
15	1051542	UBND phường 16	152.600.000	32	57.600.000	1	10.000.000	16	80.000.000	1	5.000.000
16	1051543	UBND phường 17	137.600.000	32	57.600.000	1	10.000.000	13	65.000.000	1	5.000.000
		Tổng cộng	**2.107.800.000**	**521**	**937.800.000**	**16**	**160.000.000**	**186**	**930.000.000**	**16**	**80.000.000**

ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN GÒ VẤP

Phụ lục 03

PHỤ LỤC BỔ SUNG DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2023
CÁC PHÒNG, BAN CHUYÊN MÔN THUỘC UBND QUẬN

(Ban hành kèm theo Quyết định số 80 /QĐ-UBND ngày 17/01/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp)

Đơn vị tính: Đồng

STT	MÃ SỐ	CLK	NỘI DUNG	Tổng kinh phí bổ sung	Kinh phí không tự chủ (NGUỒN 12 - Khoản 341)			Ghi chú
					TỔNG	Quà Tết 2023		
						Đối tượng nhận quà Tết 2023 (người)	Kinh phí	
A	B	C	D	1	2	3	4	
A			**QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC**	**1.243.800.000**	**1.243.800.000**	**691**	**1.243.800.000**	
1	1038149	605-341	Văn phòng UBND	70.200.000	70.200.000	39	70.200.000	
2	1038150	614-341	Phòng Tư pháp	23.400.000	23.400.000	13	23.400.000	
3	1038147	620-341	Phòng Kinh tế	16.200.000	16.200.000	9	16.200.000	
4	1038144	618-341	Phòng Tài chính - Kế hoạch (Trong đó: các đơn vị ngành dọc trên địa bàn quận: 427 người)	804.600.000	804.600.000	447	804.600.000	
5	1071014	635-341	Phòng Nội vụ	32.400.000	32.400.000	18	32.400.000	
6	1025159	637-341	Thanh tra quận	21.600.000	21.600.000	12	21.600.000	
7	1071257	625-341	Phòng Văn hóa và Thông tin	16.200.000	16.200.000	9	16.200.000	
8	1068399	624-341	Phòng Lao động - TBXH	27.000.000	27.000.000	15	27.000.000	
9	1085951	623-341	Phòng Y tế	18.000.000	18.000.000	10	18.000.000	
10	1025011	619-341	Phòng Quản lý đô thị	133.200.000	133.200.000	74	133.200.000	
11	1085846	626-341	Phòng Tài nguyên và Môi trường	45.000.000	45.000.000	25	45.000.000	
12	1038145	622-341	Phòng Giáo dục và Đào tạo	36.000.000	36.000.000	20	36.000.000	
			Tổng cộng	**1.243.800.000**	**1.243.800.000**	**691**	**1.243.800.000**	

II. ĐIỀU CHỈNH GIẢM DỰ TOÁN

Đơn vị tính: đồng

STT	Mã số sử dụng ngân sách	C-L-K (mã CTMT)	Đơn vị	Tổng	Kinh phí không tự chủ (NGUỒN 12)
A	B	C	D	1=2+3	3
			SN GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO	**(7.106.400.000)**	**(7.106.400.000)**
	1038145		Phòng Giáo dục và Đào tạo	(7.106.400.000)	(7.106.400.000)
		622-075	*Kinh phí thực hiện chế độ, chính sách phát sinh, Nghị định 81,hoạt động ngành, mua sắm TSCĐ, sửa chữa, khác theo chủ trương UBND quận*	*(7.106.400.000)*	*(7.106.400.000)*
			QLNN, Đảng, Đoàn thể	**(3.436.200.000)**	**(3.436.200.000)**
	1038144		Phòng Tài chính - Kế hoạch	(3.436.200.000)	(3.436.200.000)
		618-368	*Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ chưa có chủ trương, chưa xác định được đơn vị thực hiện*	*(3.436.200.000)*	*(3.436.200.000)*
			QUỐC PHÒNG	**(115.200.000)**	**(115.200.000)**
	1038144		Phòng Tài chính - Kế hoạch	(115.200.000)	(115.200.000)
		618-011	*Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ chưa có chủ trương, chưa xác định được đơn vị thực hiện*	*(115.200.000)*	*(115.200.000)*
			AN NINH VÀ TTATXH	**(1.512.000.000)**	**(1.512.000.000)**
	1038144		Phòng Tài chính - Kế hoạch	(1.512.000.000)	(1.512.000.000)
		618-041	*Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ chưa có chủ trương, chưa xác định được đơn vị thực hiện*	*(1.512.000.000)*	*(1.512.000.000)*
			SN GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO	**(50.400.000)**	**(50.400.000)**
	1038144		Phòng Tài chính - Kế hoạch	(50.400.000)	(50.400.000)
		618-098	*Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ chưa có chủ trương, chưa xác định được đơn vị thực hiện*	*(50.400.000)*	*(50.400.000)*
			SN VĂN HÓA	**(102.600.000)**	**(102.600.000)**
	1038144		Phòng Tài chính - Kế hoạch	(102.600.000)	(102.600.000)
		618-161	*Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ chưa có chủ trương, chưa xác định được đơn vị thực hiện*	*(102.600.000)*	*(102.600.000)*
			SN THỂ DỤC THỂ THAO	**(18.000.000)**	**(18.000.000)**
	1038144		Phòng Tài chính - Kế hoạch	(18.000.000)	(18.000.000)
		618-221	*Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ chưa có chủ trương, chưa xác định được đơn vị thực hiện*	*(18.000.000)*	*(18.000.000)*
			SN Y TẾ	**(509.400.000)**	**(509.400.000)**
	1038144		Phòng Tài chính - Kế hoạch	(509.400.000)	(509.400.000)
		618-139	*Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ chưa có chủ trương, chưa xác định được đơn vị thực hiện*	*(509.400.000)*	*(509.400.000)*
			Tổng cộng	**(12.850.200.000)**	**(12.850.200.000)**

UBND QUẬN GÒ VẤP

Phụ lục 05

PHỤ LỤC BỔ SUNG DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2023
CỦA CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÓ THU TỰ BẢO ĐẢM MỘT PHẦN CHI PHÍ

(Ban hành kèm Quyết định số 80/QĐ-UBND ngày 17 tháng 01 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp)

STT	Mã số đơn vị sử dụng ngân sách	CLK	Đơn vị	Kinh phí không tự chủ (NGUỒN 12)		
				TỔNG	Quà Tết 2023	
					Đối tượng nhận quà Tết 2023 (người)	Kinh phí
A	*B*	*C*	*D*	*1=3*	*2*	*3*
I			**Chi sự nghiệp giáo dục**	**7.106.400.000**	**3.948**	**7.106.400.000**
1	1127053	622-075	TT. GDNN-GDTX	73.800.000	41	73.800.000
2	1038561	622-071	Trường Mầm non Hoa Quỳnh	43.200.000	24	43.200.000
3	1038559	622-071	Trường Mầm non Hoa Lan	72.000.000	40	72.000.000
4	1038329	622-071	Trường Mầm non Hoạ Mi	63.000.000	35	63.000.000
5	1037238	622-071	Trường Mầm non Sơn Ca	57.600.000	32	57.600.000
6	1037892	622-071	Trường Mầm non Thủy Tiên	59.400.000	33	59.400.000
7	1043454	622-071	Trường Mầm non Hướng Dương	64.800.000	36	64.800.000
8	1043126	622-071	Trường Mầm non Sen Hồng	48.600.000	27	48.600.000
9	1043450	622-071	Trường Mầm non Hoa Sen	50.400.000	28	50.400.000
10	1043447	622-071	Trường Mầm non Hoàng Yến	68.400.000	38	68.400.000
11	1043044	622-071	Trường Mầm non Ngọc Lan	45.000.000	25	45.000.000
12	1043448	622-071	Trường Mầm non Quỳnh Hương	50.400.000	28	50.400.000
13	1080674	622-071	Trường Mầm non Nhật Quỳnh	68.400.000	38	68.400.000
14	1069692	622-071	Trường Mầm non Anh Đào	113.400.000	63	113.400.000
15	1043125	622-071	Trường Mầm non Hoa Hồng	68.400.000	38	68.400.000
16	1071100	622-071	Trường Mầm non Hồng Nhung	100.800.000	56	100.800.000
17	1037234	622-071	Trường Mầm non Vàng Anh	75.600.000	42	75.600.000
18	1080928	622-071	Trường Mầm non Hương Sen	57.600.000	32	57.600.000
19	1118061	622-071	Trường Mầm non Hạnh Thông Tây	97.200.000	54	97.200.000
20	1120226	622-071	Trường Mầm non An Nhơn	50.400.000	28	50.400.000

STT	Mã số đơn vị sử dụng ngân sách	CLK	Đơn vị	Kinh phí không tự chủ (NGUỒN 12)		
				TỔNG	Quà Tết 2023	
					Đối tượng nhận quà Tết 2023 (người)	Kinh phí
A	*B*	*C*	*D*	*1=3*	*2*	*3*
21	1120463	622-071	Trường Mầm non Hoa Phượng Đỏ	64.800.000	36	64.800.000
22	1122312	622-071	Trường Mầm non Tường Vi	37.800.000	21	37.800.000
23	1124079	622-071	Trường Mầm non Sóc Nâu	90.000.000	50	90.000.000
24	1131667	622-071	Trường Mầm non Mai Vàng	41.400.000	23	41.400.000
25	1069263	622-072	Trường Tiểu học Nguyễn Thượng Hiền	203.400.000	113	203.400.000
26	1067994	622-072	Trường Tiểu học Trần Văn Ơn	124.200.000	69	124.200.000
27	1067996	622-072	Trường Tiểu học Phạm Ngũ Lão	109.800.000	61	109.800.000
28	1069270	622-072	Trường Tiểu học Hanh Thông	144.000.000	80	144.000.000
29	1038960	622-072	Trường Tiểu học Nguyễn Viết Xuân	156.600.000	87	156.600.000
30	1038317	622-072	Trường Tiểu học Trần Quốc Toản	99.000.000	55	99.000.000
31	1038325	622-072	Trường Tiểu học Kim Đồng	185.400.000	103	185.400.000
32	1043444	622-072	Trường Tiểu học Chi Lăng	135.000.000	75	135.000.000
33	1043446	622-072	Trường Tiểu học Minh Khai	120.600.000	67	120.600.000
34	1043449	622-072	Trường Tiểu học Lương Thế Vinh	198.000.000	110	198.000.000
35	1038322	622-072	Trường Tiểu học An Hội	234.000.000	130	234.000.000
36	1038319	622-072	Trường Tiểu học Lam Sơn	136.800.000	76	136.800.000
37	1037138	622-072	Trường Tiểu học Lê Thị Hồng Gấm	117.000.000	65	117.000.000
38	1069269	622-072	Trường Tiểu học Lê Hoàn	131.400.000	73	131.400.000
39	1067990	622-072	Trường Tiểu học Phan Chu Trinh	198.000.000	110	198.000.000
40	1043443	622-072	Trường Tiểu học Võ Thị Sáu	295.200.000	164	295.200.000
41	1069268	622-072	Trường Tiểu học Trần Quang Khải	113.400.000	63	113.400.000
42	1038958	622-072	Trường Tiểu học Hoàng Văn Thụ	111.600.000	62	111.600.000
43	1120707	622-072	Trường Tiểu học Lê Quý Đôn	158.400.000	88	158.400.000
44	1122167	622-072	Trường Tiểu học Lê Đức Thọ	118.800.000	66	118.800.000
45	1122166	622-072	Trường Tiểu học Lê Văn Thọ	129.600.000	72	129.600.000
46	1043128	622-073	Trường THCS Nguyễn Văn Trỗi	153.000.000	85	153.000.000
47	1043130	622-073	Trường THCS Gò Vấp	99.000.000	55	99.000.000
48	1067963	622-073	Trường THCS Quang Trung	160.200.000	89	160.200.000
49	1067964	622-073	Trường THCS Phạm Văn Chiêu	212.400.000	118	212.400.000

STT	Mã số đơn vị sử dụng ngân sách	CLK	Đơn vị	Kinh phí không tự chủ (NGUỒN 12)		
				TỔNG	Quà Tết 2023	
					Đối tượng nhận quà Tết 2023 (người)	Kinh phí
A	*B*	*C*	*D*	*1=3*	*2*	*3*
50	1043127	622-073	Trường THCS Phan Tây Hồ	230.400.000	128	230.400.000
51	1067966	622-073	Trường THCS An Nhơn	163.800.000	91	163.800.000
52	1043129	622-073	Trường THCS Nguyễn Du	158.400.000	88	158.400.000
53	1052167	622-073	Trường THCS Nguyễn Văn Nghi	124.200.000	69	124.200.000
54	1051807	622-073	Trường THCS Lý Tự Trọng	160.200.000	89	160.200.000
55	1051800	622-073	Trường THCS Thông Tây Hội	109.800.000	61	109.800.000
56	1051801	622-073	Trường THCS Trường Sơn	77.400.000	43	77.400.000
57	1109860	622-073	Trường THCS Nguyễn Trãi	210.600.000	117	210.600.000
58	1118001	622-073	Trường THCS Tân Sơn	158.400.000	88	158.400.000
59	1120706	622-073	Trường THCS Huỳnh Văn Nghệ	156.600.000	87	156.600.000
60	1124016	622-073	Trường THCS Phan Văn Trị	100.800.000	56	100.800.000
61	1038803	622-072	Trường giáo dục chuyên biệt Hy Vọng	48.600.000	27	48.600.000
II			**Chi sự nghiệp Đào tạo**	**50.400.000**	**28**	**50.400.000**
62	1038327	799-092	Trường trung cấp nghề Quang Trung	50.400.000	28	50.400.000
III			**Chi sự nghiệp Y tế**	**509.400.000**	**283**	**509.400.000**
63	1086089	623-131	Trung tâm y tế	509.400.000	283	509.400.000
IV			**Chi sự nghiệp Văn hoá**	**102.600.000**	**57**	**102.600.000**
64	1071013	625-161	Trung tâm văn hoá	57.600.000	32	57.600.000
65	1038146	711-161	Nhà Thiếu nhi	45.000.000	25	45.000.000
V			**Chi sự nghiệp thể dục thể thao**	**18.000.000**	**10**	**18.000.000**
66	1038562	625-221	Trung tâm thể dục thể thao	18.000.000	10	18.000.000
			TỔNG	**7.786.800.000**	**4.326**	**7.786.800.000**

UBND QUẬN GÒ VẤP

Phụ lục 05

PHỤ LỤC BỔ SUNG DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2023
CÁC ĐƠN VỊ NGÀNH DỌC TRÊN ĐỊA BÀN QUẬN

(Ban hành kèm theo Quyết định số 80/QĐ-UBND ngày 17/01/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp)

Đơn vị: đồng

STT	MÃ SỐ	CLK	Nội dung	Bổ sung dự toán 2023	Kinh phí không tự chủ (Nguồn 12)	
					Đối tượng nhận quà Tết 2023 (người)	Kinh phí
A	*B*	*C*	*D*	*1=3*	*2*	*3*
1	1053629	760-041	Công an quận	1.512.000.000	840	1.512.000.000
2	1053630	760-011	Ban chỉ huy quân sự quận	115.200.000	64	115.200.000
			Tổng cộng	**1.627.200.000**	**904**	**1.627.200.000**